

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT TNN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT TNN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNN TECHNOLOGY AND TECHNICAL SOLUTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TNN TECHNOLOGY CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109065502

3. Ngày thành lập: 14/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 105, Ngõ 117, Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989208215

Fax:

Email: Phuongthanhkt@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...)	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)
22.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
23.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
24.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
25.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
26.	Sản xuất thiết bị truyền thông trừ thiết bị thu phát sóng	2630
27.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
28.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
29.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
30.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
31.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
33.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá) Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; Bán lẻ mô tô, xe máy	4541
34.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác trừ đầu giá	4511
35.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
36.	Lập trình máy vi tính	6201
37.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
38.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2817
39.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Xuất bản phần mềm trừ hoạt động xuất bản phẩm	5820
42.	Quảng cáo	7310
43.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra	7320
44.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
45.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Cổng thông tin trừ hoạt động báo chí	6312
48.	Bán buôn thực phẩm Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
50.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
51.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
52.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
53.	Hoạt động viễn thông khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	6190
54.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ PHUƠNG THANH	CHR1 2206 T22 R1 CCRoyalcity, số 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001183009013	
2	LÊ LÂM ĐỒNG	Đội 3 Liên Tân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	50,000	001087032543	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ LÂM ĐỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 10/10/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087032543

Ngày cấp: 26/12/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Đội 3 Liên Tân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Đội 3 Liên Tân, Xã Phương Trung, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội